

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH
Ngành: KINH DOANH QUỐC TẾ
Mã ngành: 7340120**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
DANH MỤC BẢNG	6
DANH MỤC HÌNH	7
I. SỰ CẦN THIẾT	8
1. Cơ sở pháp lý và chủ trương của Nhà nước	8
2. Xu hướng phát triển của ngành Kinh doanh quốc tế	9
3. Nhu cầu khẩn khe của thị trường lao động và Xã hội	9
4. Nhu cầu thực tế và sự tự nguyện của người học tại Nhà trường	10
5. Yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục và nâng cao năng lực của Nhà trường	10
II. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	11
1. Cơ sở giáo dục: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (ĐHCNKT TP.HCM)	11
2. Giới thiệu về Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	11
3. Quy mô đào tạo	17
4. Tổng số giảng viên:	26
III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN	26
1. Mục tiêu: Mô tả cụ thể mục tiêu của Đề án, dự kiến kết quả đạt được	26
2. Đối tượng học sinh/sinh viên/học viên, khối lớp, quy mô:	27
3. Chương trình đào tạo, giảng dạy: Tên chương trình đào tạo, giảng dạy; mô tả chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài, các môn học, hoạt động giáo dục, mô-đun, học phần dạy và học bằng tiếng nước ngoài, ưu điểm của chương trình	28
<i>Duration of Study:</i>	28
<i>Admission Requirements</i>	28
<i>Admission Criteria</i>	28
<i>Graduation Requirements</i>	28
<i>Curriculum Structure</i>	29
9. <i>Detailed Curriculum</i>	31
4. Phương pháp: Mô tả cách thức thực hiện dạy và học bằng tiếng nước ngoài: thi, kiểm tra, đánh giá, sự phối hợp giảng dạy giữa giáo viên Việt Nam và giáo viên nước ngoài (nếu có):	44
Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập	44
<i>Các phương pháp giảng dạy</i>	44
<i>Các phương pháp đánh giá</i>	45

<i>Đảm bảo công bằng, minh bạch và phản hồi liên tục</i>	45
5. Văn bằng/chứng chỉ: Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ/chứng nhận (nếu có)	46
6. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện:	48
7. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:	48
8. Đội ngũ giáo viên/giảng viên tham gia giảng dạy (danh sách trích ngang, lý lịch đính kèm):	50
Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ	50
9. Chương trình, tài liệu giảng dạy:	50
10. Ngôn ngữ sử dụng dạy và học bằng tiếng nước ngoài: Tiếng Anh	51
11. Các hình thức khuyến khích (nếu có):	51
IV. TÀI CHÍNH	51
1. Học phí, quản lý và sử dụng học phí cho việc tổ chức dạy và học bằng tiếng nước ngoài	51
2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác (nếu có)	52
3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có).....	52
V. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, QUẢN LÝ RỦI RO	52
1. Biện pháp bảo đảm chất lượng	52
2. Biện pháp quản lý rủi ro	53
3. Phương án bảo đảm quyền lợi của người dạy, người học trong trường hợp Đề án gặp vấn đề rủi ro, vướng mắc, bị chấm dứt, đình chỉ hoặc thu hồi.....	54
VI. CƠ CHẾ QUẢN LÝ	54
1. Cơ cấu tổ chức quản lý Đề án	54
2. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị được giao quản lý (Cấp Khoa/Viện)	55
3. Trách nhiệm và quyền hạn của người dạy, người học và các bên liên quan	56

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH
1.	ABET	Accreditation Board for Engineering and Technology – Tổ chức kiểm định kỹ thuật và công nghệ Hoa Kỳ
2.	AI	Artificial Intelligence – Trí tuệ nhân tạo
3.	AUN-QA	ASEAN University Network – Quality Assurance – Đảm bảo chất lượng mạng lưới đại học ASEAN
4.	ATTT	An toàn thông tin
5.	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
6.	CDIO	Conceive – Design – Implement – Operate (Hình thành ý tưởng – Thiết kế – Triển khai – Vận hành)
7.	CDR / CLO / PLO	Chuẩn đầu ra (Course Learning Outcomes / Program Learning Outcomes)
8.	CTĐT	Chương trình đào tạo
9.	CSĐT	Cơ sở đào tạo
10.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
11.	ĐH	Đại học
12.	ĐMST	Đổi mới sáng tạo
13.	FDI	Foreign Direct Investment – Đầu tư trực tiếp nước ngoài
14.	GDDH	Giáo dục đại học
15.	GDĐC	Giáo dục đại cương

16.	GDDH	Giáo dục đại học
17.	GDTC	Giáo dục thể chất
18.	GDQP-AN	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
19.	HCM-UTE	Ho Chi Minh City University of Technology and Engineering – Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM
20.	ISI/Scopus	Cơ sở dữ liệu tạp chí khoa học quốc tế (Institute for Scientific Information / Elsevier Scopus)
21.	LMS	Learning Management System – Hệ thống quản lý học tập
22.	LLCT	Lý luận chính trị
23.	LVTN	Luận văn tốt nghiệp
24.	MOOC	Massive Open Online Course – Khóa học trực tuyến mở đại trà
25.	MOU	Memorandum of Understanding – Biên bản ghi nhớ hợp tác
26.	PBL	Project-Based Learning – Học tập dựa trên dự án
27.	PDCA	Plan – Do – Check – Act (Lập kế hoạch – Thực hiện – Kiểm tra – Hành động)
28.	PGS	Phó Giáo sư
29.	PTN	Phòng thí nghiệm
30.	STEM	Science, Technology, Engineering and Mathematics

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thống kê các ngành đào tạo (tính đến 31/05/2026).....	18
Bảng 2. Kế hoạch tuyển sinh chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh ngành Thương mại Điện tử giai đoạn 2026–2035.....	27
Bảng 3. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	48
Bảng 4. Danh mục phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Khoa Kinh Tế.....	49
Bảng 5. Danh sách ban chỉ đạo đề án giảng dạy bằng tiếng anh Ngành Kinh Doanh Quốc tế.....	55

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCNKT TP.HCM.....	13
Hình 2. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT ngành Kinh Doanh Quốc Tế.....	53

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ
THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

(Kèm theo văn bản đề nghị số/....ngàytháng ...năm....)

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý và chủ trương của Nhà nước

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 222/2025/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành về Quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục, có hiệu lực từ ngày 25/9/2025;

Căn Kế hoạch số 1097/KH-ĐHCNKT về việc triển khai MTCL năm 2026 - Xác định và tập trung phát triển các ngành/nhóm ngành đào tạo mũi nhọn của Nhà trường;

Theo đề nghị của Trưởng Khoa Đào tạo tiên tiến và Trưởng phòng Đào tạo.

2. Xu hướng phát triển của ngành Kinh doanh quốc tế

Kinh doanh quốc tế (International Business) bản chất là hoạt động giao thương xuyên biên giới, nơi tiếng Anh là ngôn ngữ làm việc chung của thương mại toàn cầu. Toàn bộ khung khổ pháp lý và tập quán thương mại quốc tế, từ các quy tắc Incoterms, công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG), quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP 600), đến các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) và các báo cáo của WTO, IMF, UNCTAD, đều được soạn thảo, cập nhật liên tục và vận hành hoàn toàn bằng tiếng Anh. Các nền tảng giao dịch, hệ thống logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng các công cụ phân tích thị trường quốc tế cũng đều sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chuẩn.

Nếu chỉ tiếp cận bằng tiếng Việt, sinh viên sẽ chịu một độ trễ rất lớn về mặt thông tin và cơ hội. Do đó, việc chuyển đổi ngôn ngữ giảng dạy sang tiếng Anh là yêu cầu tất yếu để người học tiếp cận trực tiếp với các nguồn tri thức, quy tắc và thông lệ cốt lõi của thương mại quốc tế, bắt kịp tốc độ thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh toàn cầu.

3. Nhu cầu khắt khe của thị trường lao động và Xã hội

Hiện nay, nhu cầu tuyển dụng nhân lực Kinh doanh quốc tế có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế tại TP.HCM nói riêng và cả nước nói chung là rất lớn. Các tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), các công ty xuất nhập khẩu, logistics và chuỗi cung ứng quốc tế, cùng các ngân hàng thương mại và tổ chức xúc tiến thương mại đều đặt yêu cầu năng lực tiếng Anh chuyên ngành là điều kiện tiên quyết.

Việc xây dựng đề án xuất phát từ chính nhu cầu thực tế của xã hội: hình thành lực lượng lao động chất lượng cao, có khả năng tư duy chuyên môn và đàm phán

trực tiếp bằng tiếng Anh, có khả năng làm việc trong các nhóm đa văn hóa, tham gia vào các giao dịch thương mại toàn cầu hoặc trực tiếp hội nhập vào chuỗi cung ứng nhân lực kinh doanh quốc tế.

4. Nhu cầu thực tế và sự tự nguyện của người học tại Nhà trường

Qua các đợt khảo sát ý kiến định kỳ, phần lớn sinh viên theo học khối ngành Kinh tế và Kinh doanh quốc tế tại Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM đều thể hiện nguyện vọng và sự tự nguyện cao trong việc được tiếp cận các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Sinh viên nhận thức rõ rằng học bằng tiếng Anh không chỉ là học một ngôn ngữ, mà là xây dựng phản xạ nghề nghiệp toàn cầu. Đề án được xây dựng nhằm hiện thực hóa quyền lợi và nguyện vọng chính đáng này của người học trên nguyên tắc tự nguyện, tạo lộ trình chuyển tiếp mượt mà từ các học phần cơ sở đến chuyên ngành sâu.

5. Yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục và nâng cao năng lực của Nhà trường

Việc triển khai đề án giảng dạy bằng tiếng Anh theo Nghị định 222/2025/NĐ-CP đóng vai trò như một đòn bẩy chiến lược giúp Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM:

- **Chuẩn hóa và quốc tế hóa chương trình:** Đẩy mạnh việc thẩm định, áp dụng các giáo trình, tài liệu điện tử tiên tiến từ các trường đại học uy tín trên thế giới; tăng cường ứng dụng AI và các nền tảng công nghệ số vào quản lý học tập.
- **Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên:** Thúc đẩy giảng viên tích cực trau dồi, đạt các chuẩn năng lực ngoại ngữ theo quy định, thu hút các chuyên gia có bằng cấp quốc tế tham gia giảng dạy.
- **Mở rộng hợp tác quốc tế:** Tạo tiền đề cho các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên quốc tế, nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học.

Từ những lý do trên, việc xây dựng "*Đề án giảng dạy, học tập bằng tiếng Anh cho Chương trình đào tạo Kinh doanh quốc tế*" tại Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM là một bước đi cấp thiết, có tính chiến lược và mang giá trị thực tiễn sâu sắc, vừa đáp ứng hoàn toàn các khuôn khổ pháp lý mới của Chính phủ, vừa mở ra cơ hội đột phá cho người học trong kỷ nguyên số.

II. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- 1. Cơ sở giáo dục:** Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (ĐHCNKT TP.HCM)
- 2. Giới thiệu về Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (ĐHCNKT TP.HCM) được hình thành và phát triển trên cơ sở Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật – thành lập theo Nghị định số 1082-GD ngày 05/10/1962 của Tổng thống Việt Nam Cộng hoà. Theo Sắc lệnh số 10-SL/VHGDĐT ngày 11/01/1974 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hoà, Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật được sáp nhập vào Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức và được đặt trực thuộc Trường Đại học Giáo dục của Viện. Ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 426-TTg về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học - theo Quyết định này Trường Đại học Giáo dục được đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức. Ngày 28/01/1984 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức hợp nhất với Trường Trung học công nghiệp Thủ Đức thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12/6/1991 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh sáp nhập thêm Trường Sư phạm Kỹ thuật Cơ giới hoá nông nghiệp. Theo Nghị định số 16/CP ngày 27/01/1995 của Chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được đặt trực thuộc Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 10/10/2000 theo Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tách khỏi Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) cho đến nay. Ngày 26/12/2025 trường được đổi tên thành Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng chính phủ.

Trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHCNKT TP.HCM là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo định hướng ứng dụng; liên tục đổi mới và sáng tạo, cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học chất lượng cao trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, khoa học, công nghệ; đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Với triết lý giáo dục “Nhân bản - Sáng tạo - Hội nhập”, Trường ĐHCNKT TP.HCM không

ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dạy - học, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm mang đến cho người học những điều kiện học tập tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

Trường ĐHCNKT TP.HCM có cơ cấu gồm 18 Phòng/Ban/Viện chức năng, 14 Khoa/Viện, 06 Trung tâm, 01 Phân hiệu tại Bình Phước, 01 Tạp chí thuộc Trường và 09 trung tâm, 01 Trường Trung học Kỹ thuật Thực hành trực thuộc Trường. Tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2026, tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động của Nhà trường là 993 người trong đó có 742 giảng viên (GV) với 4 Giáo sư, 96 Phó Giáo sư và 265 Tiến sĩ, 251 cán bộ quản lý hành chính, nhân viên. Sơ đồ tổ chức của Nhà trường được trình bày tại Hình 1.

Trong những năm qua, Trường ĐHCNKT TP.HCM đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng như chính sách chất lượng đã công bố.

Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh là trường ĐH xuất sắc đa ngành đa lĩnh vực, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Sứ mạng

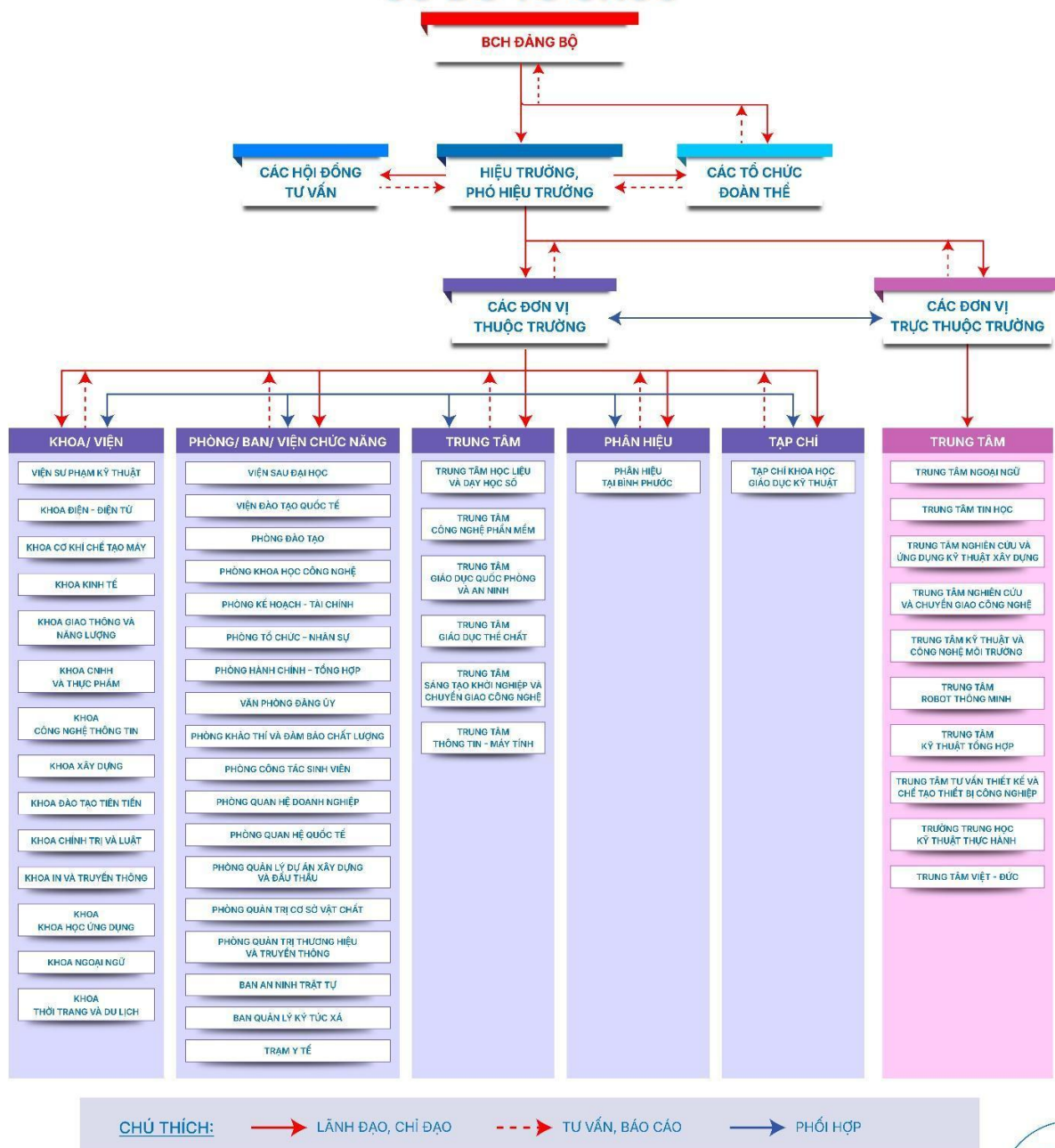
Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế. Đóng góp tri thức hữu ích cho nhân loại bằng các kết quả NCKH nhằm phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước. Phục vụ tích cực và có trách nhiệm vào sự phát triển cộng đồng.

Các giá trị cốt lõi

Các giá trị cơ bản của một nền giáo dục tiên tiến; hiện đại đã, đang và sẽ được Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM tôn vinh, gìn giữ, phát huy một cách sáng tạo là:

- Gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam.
- Nâng đỡ tài năng và tính sáng tạo, chú trọng đào tạo kỹ năng và giáo dục đạo đức nghề nghiệp.
- Tôn trọng lợi ích của người học và của cộng đồng. Xây dựng xã hội học tập.
- Đề cao chất lượng, hiệu quả và sự đổi mới trong các hoạt động.
- Hội nhập, hợp tác và chia sẻ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Nhân bản - Sáng tạo - Hội nhập

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCNKT TP.HCM

Triết lý giáo dục: Nhân bản – Sáng tạo – Hội nhập.

Triết lý giáo dục "Nhân bản - Sáng tạo – Hội nhập" không chỉ là kim chỉ nam xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM (HCM-UTE) mà còn là cam kết mạnh mẽ trong sứ mệnh đào tạo con người toàn diện, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và hội nhập toàn cầu.

2.1.Nhân bản – Lấy con người làm trung tâm: Đặt yếu tố nhân văn: con người và văn hóa lên hàng đầu, HCM-UTE xác định rõ triết lý giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức, mà còn là hành trình nuôi dưỡng tâm hồn và hoàn thiện nhân cách. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, khi tri thức và công nghệ phát triển nhanh chóng, HCM-UTE vẫn kiên định với sứ mệnh đào tạo con người toàn diện, lấy con người làm trung tâm của mọi hoạt động giáo dục và phát triển.

Với HCM-UTE, tri thức chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn liền với đạo đức, tinh thần trách nhiệm và ý thức phụng sự cộng đồng. Nhà Trường luôn tâm niệm rằng mỗi sinh viên không chỉ là người học, mà còn là một công dân có trách nhiệm với chính mình, gia đình và xã hội. Chính vì vậy, giáo dục tại HCM-UTE là sự kết hợp hài hòa giữa dạy chữ và dạy người, giữa đào tạo chuyên môn và bồi dưỡng nhân cách, giữa phát triển trí tuệ và xây dựng tinh thần nhân ái, sẻ chia.

2.2.Sáng tạo – Thúc đẩy đổi mới và nghiên cứu khoa học: Trong bối cảnh giáo dục kỹ thuật đang ngày càng cạnh tranh và đổi mới không ngừng, sáng tạo chính là yếu tố then chốt giúp sinh viên và nhà trường khẳng định vị thế, tạo dấu ấn riêng trên bản đồ giáo dục trong nước và khu vực. Tại Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp.HCM (HCM-UTE), sáng tạo không chỉ là một phẩm chất cần thiết, mà còn là tinh thần xuyên suốt trong mọi hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển con người toàn diện.

Nhiều năm liền, sinh viên HCM-UTE khẳng định tài năng và bản lĩnh qua các cuộc thi khoa học kỹ thuật và khởi nghiệp – nơi hội tụ những ý tưởng kỹ thuật tiên phong, đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức, kỹ năng và trí tưởng tượng không giới hạn. Việc liên tục đạt được nhiều giải thưởng cao tại các cuộc thi đã trở thành minh chứng sống động cho tinh thần đổi mới, khát vọng chinh phục tri thức và khao khát đóng góp vào sự phát triển của xã hội hiện đại.

Nhận thức rõ vai trò của sáng tạo trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. HCM-UTE liên tục đổi mới phương pháp và chương trình đào tạo. Các mô hình

học tích hợp lý thuyết và thực hành, học để làm, học qua dự án (project-based learning) được triển khai mạnh mẽ, giúp sinh viên chủ động khám phá, nghiên cứu và thực hiện hóa ý tưởng. Nhà trường cũng xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp, kết nối doanh nghiệp để đưa sản phẩm nghiên cứu ra thị trường, tạo giá trị thực tiễn.

Chính từ nền tảng đó, sinh viên HCM-UTE không chỉ giỏi lý thuyết mà còn có khả năng kiến tạo giá trị mới, vươn mình mạnh mẽ trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, công nghệ kỹ thuật, đóng góp tích cực vào công cuộc hiện đại hóa đất nước. Sáng tạo tại HCM-UTE không đơn thuần là một kỹ năng, mà là một phẩm chất, một động lực nội tại giúp sinh viên sẵn sàng bứt phá, làm chủ tri thức và tương lai.

2.3. Hội nhập – Định hướng chiến lược của HCM-UTE trong thời kỳ toàn cầu hóa: Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, Hội nhập quốc tế không còn là lựa chọn, mà đã trở thành xu thế tất yếu đối với các trường đại học. Nhận thức rõ điều đó, Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM (HCM-UTE) đã xác định hội nhập là một trong những trụ cột chiến lược trong định hướng phát triển.

Hội nhập đối với HCM-UTE không chỉ dừng lại ở việc ký kết các thỏa thuận hợp tác, mà là một tiến trình phát triển bền vững, toàn diện và có chiều sâu. Nhà trường đẩy mạnh mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức giáo dục và doanh nghiệp uy tín trên thế giới. Thông qua đó, HCM-UTE từng bước nâng cao vị thế, cải thiện thứ hạng trên bảng xếp hạng các trường đại học khu vực, trong đó đặt biệt chú trọng đến QS Asia University Rankings.

Song song với hoạt động hợp tác quốc tế, HCM-UTE tập trung phát triển hệ sinh thái học liệu số hiện đại, kết nối hiệu quả với mạng lưới cựu sinh viên đang làm việc và học tập tại nước ngoài, tạo thành một hệ thống liên kết chặt chẽ giữa nhà trường – sinh viên – cộng đồng quốc tế. Đây chính là nền tảng quan trọng để mở ra nhiều cơ hội học tập, nghiên cứu và khởi nghiệp cho sinh viên.

Không dừng ở đó, HCM-UTE chú trọng đào tạo kỹ năng nghề đạt chuẩn quốc tế, tăng cường trang bị ngoại ngữ và kỹ năng mềm cho sinh viên, đặc biệt là kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa. Các chương trình thực tập, trao đổi sinh viên, nghiên cứu chung với đối tác nước ngoài được đẩy mạnh, giúp sinh viên rèn luyện khả năng thích ứng và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Định hướng hội nhập tại HCM-UTE chính là mở rộng “cánh cửa tri thức” ra thế giới, giúp sinh viên không chỉ làm việc tốt trong nước, mà còn đủ năng lực, bản lĩnh để tham gia vào thị trường lao động quốc tế. Với nền tảng kỹ năng vững chắc, trình độ ngoại ngữ tốt và tư duy hội nhập, sinh viên HCM-UTE sẵn sàng thích ứng nhanh với sự chuyển dịch công nghệ, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và xu hướng phát triển toàn cầu.

2.4. Cơ sở vật chất

Trường ĐHCNKT TP.HCM có không gian rộng và thoáng mát rất thuận tiện cho việc học tập của người học. Với diện tích sử dụng lên đến 218.655 m², bao gồm 2 cơ sở đào tạo, giảng đường, nhà xưởng thực hành, phòng nghiên cứu, thí nghiệm, hội trường, nhà tập đa năng, trung tâm thư viện, ký túc xá sinh viên, Trường ĐHCNKT TP.HCM là môi trường học tập, sinh hoạt, NCKH lý tưởng của GV và sinh viên.

Cùng với sự lớn mạnh về số lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy cũng như số lượng ngành nghề đào tạo và số lượng sinh viên đang theo học, Nhà trường không ngừng đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất hiện đại như: phòng thí nghiệm robot và điều khiển thông minh, phòng thí nghiệm điện tử hiện đại, phòng thí nghiệm robot tự hành thông minh, phòng thí nghiệm chế tạo khuôn và ép nhựa, phòng thí nghiệm hệ thống sản xuất công nghiệp 4.0, phòng thí nghiệm tạo hình và xử lý vật liệu, phòng thí nghiệm mô phỏng hệ thống công nghiệp, phòng thí nghiệm CNC nâng cao,... Các doanh nghiệp tin tưởng nguồn lực được đào tạo từ Nhà trường và đầu tư các phòng thí nghiệm cập nhật những công nghệ tiên tiến như Phòng thí nghiệm tự động hóa Mitsubishi, phòng thí nghiệm tự động hóa Rockwell, phòng thí nghiệm tự động hóa Siemens, Phòng thí nghiệm thiết bị tự động hóa Yaskawa,... và các phần mềm chuyên môn. Để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục đại học, nhà trường đã xây dựng thành công Trung tâm dữ liệu lớn gồm UTE Data center và UTEx Data Center. Trung tâm dữ liệu lớn là hệ thống quản trị, vận hành và xử lý cho hệ sinh thái số (digital ecosystem), triển khai UTEx-LMS và UTEx-MOOC - nền tảng công nghệ dạy học, kiểm tra đánh giá trực tuyến.

Việc đầu tư cho các phòng thí nghiệm hiện đại và trang bị đầy đủ các thiết bị nhằm bảo đảm tốt nhất cho hoạt động dạy và học, công tác NCKH của GV và sinh viên Trường ĐHCNKT TP.HCM ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành tích cao. Trong giai đoạn 2019 đến nay (31/5/2026), Nhà trường đã thực hiện quản lý 3356 đề tài, dự án các cấp, 5153 bài báo khoa học của GV được đăng trên tạp

chí, kỷ yếu hội thảo khoa học, trong đó có 2036 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục Web of Science và Scopus, 09 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, trường đã tổ chức được các sân chơi NCKH cho sinh viên với nhiều hoạt động đa dạng. Sinh viên của Trường đã đạt được nhiều giải thưởng khoa học, công nghệ và sáng tạo.

2.5. Kiểm định chất lượng

Trường ĐHCNKT TP.HCM áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 từ năm 2005 đến nay. Với hệ thống quản lý này, hiệu quả về quản lý đào tạo trong nhà trường đã được nâng lên rõ rệt. Trường ĐHCNKT TP.HCM đã công bố chính sách chất lượng, trong đó nhấn mạnh *“Không ngừng nâng cao chất lượng dạy, học, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm mang đến cho người học những điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.”*

Trường đã đạt kiểm định chất lượng cấp Cơ sở giáo dục theo chuẩn của Bộ GDĐT, chu kỳ 1 vào năm 2017 và chu kỳ 2 vào năm 2023, lần lượt theo Quyết định số 14/QĐ-TTKĐ ngày 03 tháng 05 năm 2017 và Quyết định số 98/QĐ-TTKĐ ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Giám đốc trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, tính đến tháng 5/2026, Nhà trường có 40 chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học và 06 CTĐT trình độ thạc sĩ được đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng, trong đó có 14 CTĐT đại học đạt kiểm định chất lượng giáo dục chu kỳ 2 và 18 CTĐT được đánh giá theo AUN-QA. Dự kiến tiếp tục kiểm định 10 CTĐT trình độ thạc sĩ theo chuẩn Bộ GD&ĐT vào tháng 11/2026, góp phần nâng cao chất lượng CTĐT. Hệ thống IQA của Nhà trường bám sát mô hình IQA của AUN-QA.

3. Quy mô đào tạo

Trường ĐHCNKT TP.HCM đào tạo 3 trình độ: tiến sĩ – 12 ngành, thạc sĩ – 18 ngành, đại học – 49 ngành (Bảng 1).

Tính đến thời điểm 20/5/2026 quy mô người học:

- Trình độ đại học, hệ chính quy 34.061 sinh viên
- Trình độ thạc sĩ 787 học viên

Trường ĐHCNKT TP.HCM được quy hoạch trong mạng lưới cơ sở giáo dục trọng điểm quốc gia về công nghệ kỹ thuật. Đáp ứng điều này, chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHCNKT TP.HCM theo hướng nghề nghiệp - ứng dụng (hướng công nghệ), nặng về kỹ năng thực hành, thường xuyên điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với sự phát triển công nghệ của thực tế sản xuất công nghiệp, sản phẩm đào tạo của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu xã hội. Kết quả khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp hàng năm cho thấy số sinh viên có việc làm sau 3 tháng tốt nghiệp trên 90%. Chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường được xây dựng với cả hai định hướng, nghiên cứu và ứng dụng, nhằm linh hoạt trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Đây là cơ sở để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đào tạo nhân tài, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển những lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược và chuyển đổi số quốc gia.

Bảng 1. Thống kê các ngành đào tạo (tính đến 31/05/2026)

STT	Trình độ / Lĩnh vực / Ngành	Mã ngành	Quy mô
A	Tiến sĩ		195
1.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		70
1.1.1	Giáo dục học	9140101	70
1.2	Kỹ thuật		110
1.2.1	Cơ kỹ thuật	9520101	17
1.2.2	Kỹ thuật cơ khí	9520103	30
1.2.3	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	7
1.2.4	Kỹ thuật điện	9520201	25
1.2.5	Kỹ thuật điện tử	9520203	31

STT	Trình độ / Lĩnh vực / Ngành	Mã ngành	Quy mô
1.2.6	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (mở mới 2026)	9520216	
1.2.7	Kỹ thuật Nhiệt (mở mới 2026)	9520115	
1.3	Kiến trúc và xây dựng		15
1.3.1	Kỹ thuật xây dựng	9580201	15
1.4	Khoa học xã hội và hành vi		
1.4.1	Quản lý kinh tế (mở mới 2026)	9310110	
1.5	Sản xuất và chế biến		
1.5.1	Công nghệ thực phẩm (mở mới 2026)	9540101	
1.6	Máy tính và công nghệ thông tin		
1.6.1	Khoa học máy tính (mở mới 2026)	9480101	
B	Thạc sĩ		787
2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		140
2.1.1	Giáo dục học	8140101	117
2.1.2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	22
2.1.3	Quản lý giáo dục	8140114	1
2.2	Máy tính và công nghệ thông tin		60
2.2.1	Khoa học máy tính	8480101	60
2.3	Kỹ thuật		455
2.3.1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	85

STT	Trình độ / Lĩnh vực / Ngành	Mã ngành	Quy mô
2.3.2	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	46
2.3.3	Kỹ thuật nhiệt	8520115	28
2.3.4	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	103
2.3.5	Kỹ thuật điện	8520201	61
2.3.6	Kỹ thuật điện tử	8520203	38
2.3.7	Kỹ thuật viễn thông	8520208	5
2.3.8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8520216	60
2.3.9	Kỹ thuật môi trường	8520320	10
2.3.10	Kỹ thuật hóa học	8520301	19
2.4	Sản xuất và chế biến		31
2.4.1	Công nghệ thực phẩm	8540101	31
2.5	Kiến trúc và xây dựng		51
2.5.1	Kỹ thuật xây dựng	8580201	36
2.5.2	Quản lý xây dựng	8580302	15
2.6	Khoa học xã hội và hành vi		50
2.6.1	Quản lý kinh tế	8310110	50
C	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		34.061

STT	Trình độ / Lĩnh vực / Ngành	Mã ngành	Quy mô
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		4.885
3.1.1.1	Máy tính và công nghệ thông tin		4.244
3.1.1.1.1	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	1.070
3.1.1.1.2	Hệ thống nhúng và IoT	7480118	272
3.1.1.1.3	Công nghệ thông tin	7480201	2.111
3.1.1.1.4	An toàn thông tin	7480202	435
3.1.1.1.5	Kỹ thuật dữ liệu	7480203	356
3.1.1.2	Nghệ thuật		368
3.1.1.2.1	Thiết kế đồ họa	7210403	368
3.1.1.3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		273
3.1.1.3.1	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	273
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		29.176
3.1.2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		250
3.1.2.1.1	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	192
3.1.2.1.2	Sư phạm công nghệ	7140246	58
3.1.2.2	Nghệ thuật		313
3.1.2.2.1	Thiết kế thời trang	7210404	313

STT	Trình độ / Lĩnh vực / Ngành	Mã ngành	Quy mô
3.1.2.3	Kinh doanh và quản lý		2219
3.1.2.3.1	Kinh doanh quốc tế	7340120	546
3.1.2.3.2	Thương mại điện tử	7340122	891
3.1.2.3.3	Kế toán	7340301	709
3.1.2.3.4	Công nghệ tài chính	7340205	41
3.1.2.3.5	Quản trị kinh doanh	7340101	32
3.1.2.4	Pháp luật		297
3.1.2.4.1	Luật	7380101	297
3.1.2.5	Công nghệ kỹ thuật		20.748
3.1.2.5.1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	1.664
3.1.2.5.2	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	7510106	237
3.1.2.5.3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	1.697
3.1.2.5.4	Công nghệ chế tạo máy	7510202	1.868
3.1.2.5.5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	1.830
3.1.2.5.6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	2.133
3.1.2.5.7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	931
3.1.2.5.8	Năng lượng tái tạo	7510208	472
3.1.2.5.9	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209	273
3.1.2.5.10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	1.900
3.1.2.5.11	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	1.606

STT	Trình độ / Lĩnh vực / Ngành	Mã ngành	Quy mô
3.1.2.5.12	Chương trình đào tạo Kỹ thuật Thiết kế vi mạch (thuộc ngành CNKT Điện tử - viễn thông)	7510302	258
3.1.2.5.13	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303	1.679
3.1.2.5.14	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	934
3.1.2.5.15	Công nghệ vật liệu	7510402	383
3.1.2.5.16	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	346
3.1.2.5.17	Quản lý công nghiệp	7510601	1.109
3.1.2.5.18	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	754
3.1.2.5.19	Công nghệ kỹ thuật In	7510801	674
3.1.2.6	Kỹ thuật		580
3.1.2.6.1	Kỹ thuật công nghiệp	7520117	273
3.1.2.6.2	Kỹ thuật y sinh	7520212	257
3.1.2.6.3	Vật lý kỹ thuật (định hướng công nghệ bán dẫn và cảm biến, đo lường)	7520401	50
3.1.2.7	Sản xuất và chế biến		2.003
3.1.2.7.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	1.047
3.1.2.7.2	Chương trình đào tạo Khoa học thực phẩm & Dinh dưỡng (thuộc ngành Công nghệ thực phẩm)	7540101	60
3.1.2.7.3	Công nghệ may	7540209	680
3.1.2.7.4	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	7549002	216

STT	Trình độ / Lĩnh vực / Ngành	Mã ngành	Quy mô
3.1.2.8	Kiến trúc và xây dựng		1425
3.1.2.8.1	Kiến trúc	7580101	471
3.1.2.8.2	Kiến trúc nội thất	7580103	313
3.1.2.8.3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	252
3.1.2.8.4	Quản lý xây dựng	7580302	389
3.1.2.9	Nhân văn		957
3.1.2.9.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	957
3.1.2.10	Dịch vụ vận tải		175
3.1.2.10.1	Quản lý và vận hành hạ tầng	7840110	175
3.1.2.11	Khoa học xã hội và hành vi		140
3.1.2.11.1	Tâm lý học giáo dục	7310403	140
3.1.2.12	Môi trường và bảo vệ môi trường		31
3.1.2.12.1	Chương trình đào tạo Môi trường và Phát triển bền vững (thuộc ngành Quản lý tài nguyên & môi trường)	7850101	31
3.1.2.13	Báo chí và thông tin		38
3.1.2.13.1	Công nghệ truyền thông (Truyền thông số và Công nghệ đa phương tiện)	7320106	38
4	Liên kết đào tạo quốc tế		
4.1	Đào tạo nhượng quyền (franchise)		
4.1.1	Kỹ thuật		

STT	Trình độ / Lĩnh vực / Ngành	Mã ngành	Quy mô
4.1.1.1	Kỹ thuật Điện – Điện tử	7520202QS	53
4.1.2	Kinh doanh và quản lý		
4.1.2.1	Quản trị Kinh doanh	7340101QS	78
4.1.2.2	Logistics và Tài chính Thương mại	7510606QN	94
4.2	Đào tạo liên kết (2+2) (articulation)		
6.2.1	Công nghệ kỹ thuật		
4.2.1.1	Công nghệ chế tạo máy	7510202QK	1
4.2.1.2	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	7520114QT	8
4.2.1.3	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QT	9
4.2.1.4	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QK	3
4.2.1.5	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QG	3
4.2.1.6	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	7510205QT	12
4.2.1.7	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103QA	6
4.2.1.8	Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử	7510301QK	4
4.2.2	Máy tính và công nghệ thông tin		
4.2.2.1	Công nghệ Thông tin	7480201QT	15
4.2.2.2	Công nghệ Thông tin	7480201QA	15
4.2.2.3	Công nghệ Kỹ thuật Máy tính	7480108QK	2
4.2.3	Kinh doanh và quản lý		
4.2.3.1	Quản trị Kinh doanh	7340101QK	1

4. Tổng số giảng viên:

Tính đến ngày 31/05/2026, nhà trường có **742 giảng viên** (trong đó gồm có 4 Giáo sư, 96 Phó Giáo sư và 265 Tiến sĩ).

Đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế (Ngành Kinh doanh quốc tế) không ngừng phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Năm học 2025–2026, Khoa có 46 giảng viên cơ hữu, trong đó có 3 Phó Giáo sư, 21 Tiến sĩ. Các giảng viên có hướng nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực như Quản trị kinh doanh, Quan hệ quốc tế, Marketing, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng và tốt nghiệp Tiến sĩ từ các trường top trong nước và quốc gia tiên tiến.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu: Mô tả cụ thể mục tiêu của Đề án, dự kiến kết quả đạt được

Mục tiêu chung:

Chương trình được xây dựng trên nền tảng thế mạnh đào tạo của Khoa Kinh tế và ngành Kinh doanh quốc tế, Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, gắn với định hướng phát triển, đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại toàn cầu, chuỗi cung ứng quốc tế, thương mại điện tử xuyên biên giới và các lĩnh vực kinh doanh chiến lược nhắm đến thị trường lao động toàn cầu hội nhập quốc tế.

Các mục tiêu cụ thể:

- Phát triển năng lực chuyên môn về kinh doanh quốc tế và thương mại toàn cầu
- Nâng cao tư duy kinh doanh, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
- Phát triển năng lực phân tích, tổ chức và vận hành các hoạt động kinh doanh quốc tế
- Gắn đào tạo với nghiên cứu, thực hành và hợp tác doanh nghiệp
- Phát triển năng lực hội nhập, đạo đức nghề nghiệp và học tập suốt đời

Mục tiêu khác: Mở rộng hợp tác quốc tế về nghiên cứu và giáo dục với các trường đại học uy tín tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và châu Âu, tạo cơ hội trao đổi cho sinh viên chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

2. Đối tượng học sinh/sinh viên/học viên, khối lớp, quy mô:

Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc trung học nghề theo đề án tuyển sinh hằng năm của nhà trường; Trường hợp người học tốt nghiệp THPT của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT (do các đơn vị chức năng xác định) do Hiệu trưởng quyết định.

***Bảng 2. Kế hoạch tuyển sinh chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh ngành
Kinh doanh quốc tế giai đoạn 2026–2035***

Năm học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Ghi chú
2026–2027	40	
2027–2028	60	
2028–2029	80	
2029–2030	80	
2030–2035	Trung bình mỗi năm 60 - 80	

3. Chương trình đào tạo, giảng dạy: Tên chương trình đào tạo, giảng dạy; mô tả chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài, các môn học, hoạt động giáo dục, mô-đun, học phần dạy và học bằng tiếng nước ngoài, ưu điểm của chương trình

Program Title in Vietnamese	: KINH DOANH QUỐC TẾ
Program Title in English	: INTERNATIONAL BUSINESS
Degree Level	: UNDERGRADUATE
Major	: INTERNATIONAL BUSINESS
Major Code	: 7340120
Type of Training	: FULL-TIME
Language of Instruction	: ENGLISH
Degree Awarded	: BACHELOR
Managing Institution : FACULTY OF ADVANCED EDUCATION	

Duration of Study:

04 years.

Admission Requirements

High school graduates.

Admission Criteria

In accordance with the Admission Regulations of Ho Chi Minh City University of Technology and Engineering.

Graduation Requirements

In accordance with Decision No. 3116/QĐ-ĐHSPKT.

Curriculum Structure

No.	Knowledge Block	Credits			Percentage (%)
		Total	Compulsory	Elective	
I	GENERAL KNOWLEDGE BLOCK	40	34	6	
1	Political Theory and General Law	14	14		
2	Informatics	3	3		
3	Foreign Language Knowledge	8	8		
4	Elective Block in Social Sciences and Humanities / Study Skills / Career Goals	6	0	6	
5	Mathematics and Basic Sciences / Mathematics and Graphics / Fine Arts / Social Sciences and Humanities <i>(*In accordance with the 2026 Vietnamese Full-time Undergraduate Curriculum Framework)</i>	9	9		
6	Other General Knowledge				

No.	Knowledge Block	Credits			Percentage (%)
		Total	Compulsory	Elective	
II	SPECIALIZED KNOWLEDGE BLOCK	92	79	13	
1	Introduction to the Major	3	3		
2	Foundation Knowledge	28	24	4	
3	Specialized Major Knowledge	51	42	9	
4	Laboratory, Practice and Practicum (if any)	2	2		
5	Internship	2	2		
6	Graduation Thesis	6	6		
III	PHYSICAL AND NATIONAL DEFENSE EDUCATION BLOCKS	(8)			0%
1	Physical Education	(3)			0%
2	National Defense Education	(4)			0%
IV	SUPPLEMENTARY MODULES	(4)			0%
1	Enterprise Seminar	1	1		0%

No.	Knowledge Block	Credits			Percentage (%)
		Total	Compulsory	Elective	
2	Digital competency enhancement seminar	3	3		0%
TOTAL		132	113	19	

9. Detailed Curriculum

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
I	General Knowledge		40	39	1	
I.1	Political Theory and General Law		14	14		
	LLCT130105	Philosophy of Marxism–Leninism (Triết học Mác - Lênin)	3	3		LLCT130105
	LLCT120205	Political Economics of Marxism–Leninism (Kinh tế chính trị Mác - Lênin)	2	2		LLCT130105
	LLCT120405	Scientific Socialism (Chủ	2	2		LLCT130105

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
		nghĩa xã hội khoa học)				
	LLCT120314	Ho Chi Minh's Ideology (Tư tưởng Hồ Chí Minh)	2	2		LLCT130105
	LLCT220514	History of the Communist Party of Vietnam (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam)	2	2		LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
	GELA236939	General Law (Pháp luật đại cương)	3	3		
I.2	Information Technology		3	2	1	
	APCM230307E	Applied Computing	3	2	1	
I.3	Foreign Language Knowledge		8	8		
	COEN140135E	Communicative English 1	4			Không tích lũy trong

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
	COEN140235 E	Communicative English 2	4			CTĐT (bồi dưỡng cho những SV không đạt AV đầu vào
	ACEN340535 E	Academic English 1	4			Có tích lũy 8TC như hệ tiếng việt
	ACEN340635 E	Academic English 2	4			
I.4	Elective Block in Social Sciences and Humanities / Study Skills / Career Goals					
Students select 2 courses (3 credits each) from the same elective group among the following 4 elective groups.						
Group 1: Information Technology			6	5	1	
N1.1	DBSY230184 E	Database System	3	3	0	
N1.2	WEPR330479 E	Web Programming	3	2	1	
Group 2: Environment and Sustainable Development			6	6	0	
N2.1	CGHG130210 E	Climate Change and Greenhouse Gases	3	3	0	

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
N2.2	SUDE130110E	Sustainable Development	3	3	0	
Group 3: Law in Technology Environments			6	6	0	
N3.1	CLET337339E	Contract Law in Engineering and Technology	3	3	0	
N3.2	IPTT337439E	Intellectual Property Law and Technology Transfer	3	3	0	
Group 4: Life Skills			6	6	0	
N4.1	BCTH237553E	Basic Culinary Techniques for Healthy Living	3	3	0	
N4.2	PIDE237653E	Professional Image Development	3	3	0	
I.5	<i>Mathematics and Basic Sciences / Mathematics and Graphics / Fine Arts / Social Sciences and Humanities</i> <i>(In accordance with the 2026 Vietnamese Full-time</i>		9	9		

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
	<i>Undergraduate Curriculum Framework)</i>					
	MATH132701E	Economic Mathematics 1	3	3		
	MATH132801E	Economic Mathematics 2	3	3		MATH132701E
	MATH132901E	Mathematical Statistics for Engineers	3	3		MATH132801E
<i>I.6</i>	<i>Other General Knowledge</i>					
	...	...				
	...	...				
II	Specialized Knowledge		92	81	11	
<i>II.1</i>	<i>Introduction to the Major</i>		<i>3</i>	<i>2</i>	<i>1</i>	
	INBU132308E	Introduction to International Business	3	2	1	
<i>II.2</i>	<i>Foundation Knowledge</i>					
II.2.1	Compulsory Knowledge		24	24		

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
	FUMA230806E	Fundamental Management	3			
	INBU230508E	International Business	3			
	ECON240206E	Economics	4			
	PRAC230407E	Principles of Accounting	3			
	ECOM431308E	E-Commerce	3			
	RMET220406E	Research Methods	2			
	BENG330708E	Business English	3			
	DANA230706E	Data Analysis	3			
II.2. 2	Selective Knowledge					
Students select 2 courses from the following elective list:						
	BPLA121808E	Business Plan	2	2		

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
	ORBE320106E	Organizational Behavior	2	2		
	EGEO123408E	Economic Geography	2	2		
	BCOM320106E	Business Communication	2	2		
	CCUL224408E	Cross-Cultural Management	2	2		
	SEMA320907E	Securities Market	2	2		
	CUSM321006E	Customer Relationship Management	2	2		
	PSBU220408E	Business Psychology	2	2		
II.3	Specialized Major Knowledge					
II.3.1	Compulsory Knowledge					
International Trade						
	ITRA230308E	International Trade	3	3		

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
	BLAW232408E	International Trade Law	3	3		
	IBNE322908E	International Trade Negotiation	2	2		
	FTRO332608E	Foreign Trade Operations	3	3		
	CUST422109E	Customs Procedures	2	2		
<i>International Supply Chain Operations</i>						
	GSCM430809E	Global Supply Chain Management	3	3		
	LOOP432209E	Logistics Operations	3	3		
	PROM322811E	Purchasing Management	2	2		
	TFIN330309E	International Commercial Transport and Insurance	3	3		
<i>International Business Management</i>						

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
	IBST432808E	International Business Strategy	3	3		
	PRMA434308E	Project Management	3	3		
	GOPM431906E	Global Operations Management	3	3		
	BUAN331107E	Business Analysis	3	3		
	ERPS431208E	Enterprise Resource Planning System (ERP)	3	3		
	GLMA334708E	Global Marketing	3	3		
II.3.2	Selective Knowledge					
Students select 3 courses from the following elective list:						
International Business Management Track						
	IHRM232708E	International Human Resource Management	3	3		

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
	FIMA431907E	International Financial Management	3	3		
	SAMA332008E	Sales Management	3	3		
	MAAC430507E	Management Accounting	3	3		
	SQMA432208E	Service Quality Management	3	3		
	IBRI333708E	Risk Management in International Business	3	3		
<i>International Marketing and Trade Promotion Track</i>						
	BPRO333808E	International Trade Promotion	3	3		
	EMAR431108E	Digital Marketing	3	3		
	IMCO334008E	Integrated Marketing Communications	3	3		
<i>International Supply Chain Operations Track</i>						

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
	ELOG332509E	E-Logistics	3	3		
	DEMA431609E	Warehouse and Distribution Channels Management	3	3		
II.4	Laboratory, Practice and Practicum (if any)		2		2	
	INTE221408E	Industry Internship	2		2	
II.5	Internship		2		2	
	INTE422608E	Graduation Internship	2		2	
II.6.	Graduation Thesis		6		6	
	IBGR461708E	Graduation Thesis	6		6	
III	Physical Education and National Defense Education					
III.1	Physical Education					
	PHED110130	Physical Education 1	1			

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
		(Giáo dục thể chất 1)				
	Students select two 02 different courses from the following eight 08 elective courses.		2			
	FOOT112330	Football (Bóng đá)	1			
	VOLL112330	Volleyball (Bóng chuyền)	1			
	BASK112330	Basketball (Bóng rổ)	1			
	BADM112330	Badminton (Cầu lông)	1			
	TENN112330	Tennis (Quần vợt)	1			
	KARA112330	Karate (Không thủ đạo)	1			
	CHES112330	Chess (Cờ vua)	1			
	PICK112330	Pickleball (Pickleball)	1			
III.2	<i>National Defense Education</i>					
	GDQP110131	National Defense Education 1	1			

No.	Course Code (*)	Course Title	Credits			Prerequisites Course Code
			Total	L T (*)	TN/TH/TT (*)	
		(Giáo dục quốc phòng 1)				
	GDQP110231	National Defense Education 2 (Giáo dục quốc phòng 2)	1			
	GDQP110331	National Defense Education 3 (Giáo dục quốc phòng 3)	1			
	GDQP110431	National Defense Education 4 (Giáo dục quốc phòng 4)	1			

(*) Coding Indexation: LT = Theory; TH = Practice/Practicum; TN = Lab/Laboratory; TT = Internship.

Ưu điểm của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế giảng dạy bằng tiếng Anh có nhiều ưu điểm nổi bật. Việc sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy và đánh giá chính giúp sinh viên tiếp cận trực tiếp các nguồn tri thức, quy tắc và thông lệ thương mại quốc tế cốt lõi, đồng thời hình thành năng lực tư duy chuyên môn và giao tiếp học thuật bằng tiếng Anh, lợi thế then chốt trong môi trường làm việc toàn cầu. Chương trình được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực người học, gắn lý thuyết với thực hành qua các phương pháp dạy học tích cực và quy mô lớp nhỏ nhằm cá thể hóa quá trình đào tạo. Nội dung chương trình được đổi

sánh với các trường đại học uy tín trong khu vực và trên thế giới, cập nhật các xu hướng mới của thương mại toàn cầu, đồng thời gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và hợp tác doanh nghiệp, trang bị cho người học năng lực hội nhập, đạo đức nghề nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

4. Phương pháp: Mô tả cách thức thực hiện dạy và học bằng tiếng nước ngoài: thi, kiểm tra, đánh giá, sự phối hợp giảng dạy giữa giáo viên Việt Nam và giáo viên nước ngoài (nếu có):

Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

Các phương pháp giảng dạy và đánh giá áp dụng trong Chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực người học, phù hợp với đặc điểm của sinh viên có năng lực tư duy logic, khả năng tự học, đam mê khám phá, sáng tạo và nghiên cứu khoa học và có khả năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường học thuật.

Tiếng Anh được sử dụng là ngôn ngữ chính trong giảng dạy và kiểm tra đánh giá. Ngoại trừ các học phần về chính trị (Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh); Các học phần Quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất được giảng dạy bằng tiếng Việt đảm bảo theo đúng nghị định 222/2025 của chính phủ.

Quy mô lớp học phần trong khối kiến thức chuyên nghiệp của chương trình không quá 40 sinh viên/lớp, bảo đảm điều kiện triển khai các phương pháp dạy - học tích cực, cá thể hóa quá trình đào tạo.

Các phương pháp giảng dạy

Dạy học dựa trên vấn đề: Rèn luyện tư duy hệ thống, năng lực phân tích - tổng hợp - phản biện; phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp học thuật và giải quyết vấn đề trong bối cảnh thực tế ngành Kinh doanh quốc tế.

Dạy học dựa trên dự án: Gắn kết lý thuyết với thực hành; phát triển năng lực phân tích, tổ chức và đánh giá các giải pháp kinh doanh; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và hợp tác nhóm trong các dự án ứng dụng (xuất nhập khẩu, logistics, thương mại điện tử xuyên biên giới).

Dạy học dựa trên chuyên đề: Tổ chức các chuyên đề chuyên sâu, seminar nhóm nghiên cứu, hội thảo học thuật nhằm phát triển kỹ năng thuyết trình, phản biện, lãnh đạo học thuật và năng lực giao tiếp chuyên môn.

Dạy học dựa trên nghiên cứu: Chuyển vai trò của sinh viên từ người tiếp thu tri thức sang người tạo ra tri thức mới; sinh viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp Khoa, cấp Trường hoặc đề tài hợp tác với doanh nghiệp, qua đó hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và công bố khoa học.

Các phương pháp đánh giá

Việc đánh giá sinh viên không chỉ dựa vào bài thi cuối kỳ, mà còn bao gồm nhiều hình thức đa dạng để phản ánh toàn diện năng lực và sự tiến bộ của người học, bao gồm:

Đánh giá quá trình: Thông qua bài tập cá nhân/nhóm, kiểm tra ngắn, tham gia thảo luận, trình bày chuyên đề, nhật ký học tập,

Đánh giá theo dự án: Chấm điểm các sản phẩm nghiên cứu, phương án kinh doanh, mô hình, báo cáo, bài báo.

Đánh giá kỹ năng và thái độ: Thông qua quan sát thực tế, phản hồi đồng đẳng (peer assessment), tự đánh giá, bảng kiểm kỹ năng và thái độ học tập chuyên nghiệp.

Bài kiểm tra và thi cuối kỳ: Thi viết, vấn đáp, bài tập tình huống, thực hành hoặc trình bày đề án (tùy theo đặc thù từng học phần).

Thang điểm đánh giá: Thang điểm chữ, thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

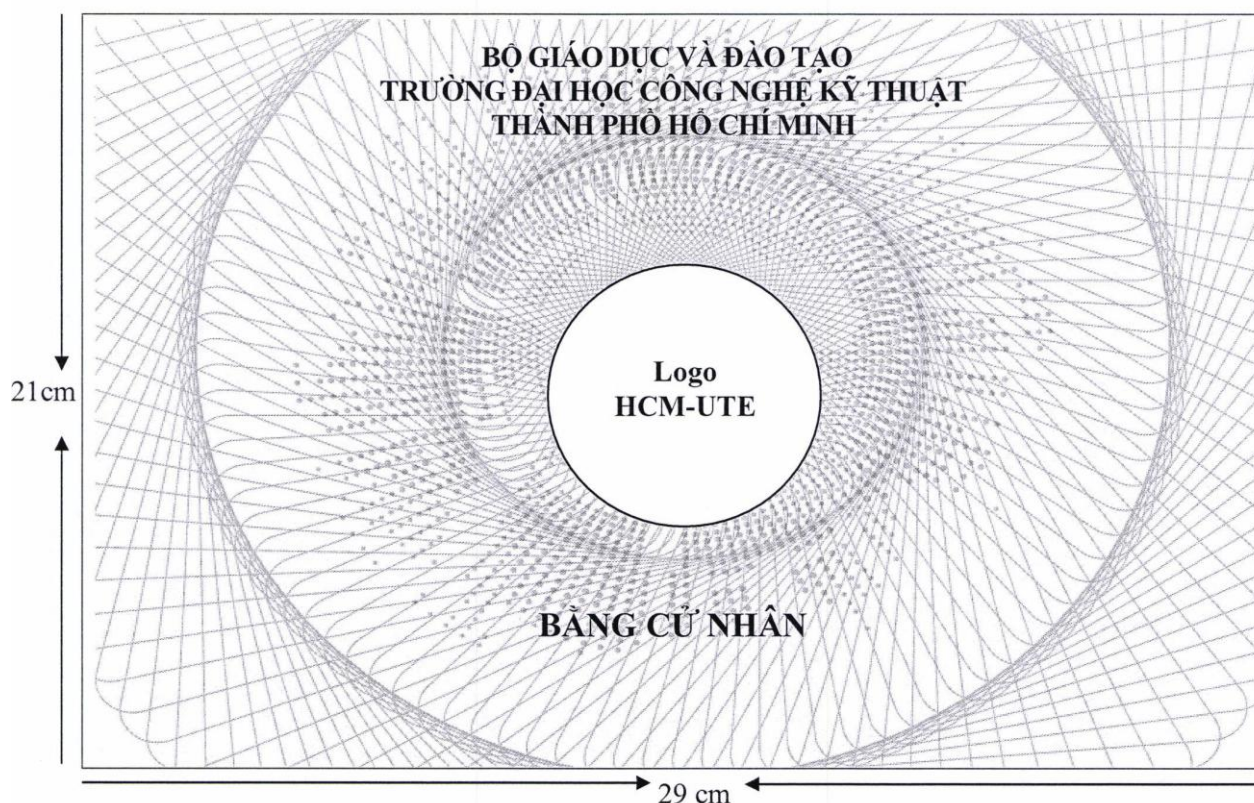
Đảm bảo công bằng, minh bạch và phản hồi liên tục

Tất cả bài kiểm tra, đồ án và đánh giá nhóm đều có rubrics rõ ràng, minh bạch. Sinh viên được phản hồi định kỳ về tiến độ và năng lực học tập.

Kết quả đánh giá được sử dụng làm dữ liệu cho chu trình cải tiến liên tục CTĐT.

5. Văn bằng/chứng chỉ: Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ/chứng nhận (nếu có)

1. BẢNG CỬ NHÂN (MẪU 1)



SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM <u>Independence - Freedom - Happiness</u> HO CHI MINH CITY UNIVERSITY of TECHNOLOGY and ENGINEERING has conferred the degree of Bachelor of Arts Upon: (11) Date of birth: (12) Year of graduation: (13) Degree classification: (14) (15) Given under the seal of HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TECHNOLOGY AND ENGINEERING (16) Tem Serial number: (17) Reference number: (18)		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH cấp bằng Cử nhân Cho: (1) Ngày sinh: (2) Năm tốt nghiệp: (3) Hạng tốt nghiệp: (4) (5) (6) (7) (8) Số hiệu: (9) Số vào sổ gốc cấp văn bằng: (10) BA000000	
---	--	--	--

21cm

29 cm

14,5cm

6. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện:

Tuyển sinh và đào tạo theo từng năm giai đoạn 2026–2030 và định hướng đến 2035

Lộ trình tuyển sinh và đào tạo được xây dựng theo nguyên tắc tăng dần quy mô, vừa đảm bảo chất lượng vừa tích lũy kinh nghiệm trong quá trình triển khai:

Bảng 3. Lộ trình tuyển sinh và triển khai chương trình giai đoạn 2026–2035

Năm học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Hoạt động trọng tâm
2026–2027	40 SV	- Khởi động chương trình - Tuyển chọn đội ngũ GV - Ký kết MOU với 3+ DN
2027–2028	60 SV	- Mời GV/chuyên gia quốc tế - Tổ chức TTDN lần 1 cho K2026 - Kiểm tra chất lượng lần 1
2028–2029	80 SV	- Đàm phán liên kết quốc tế
2029–2030	80 SV	- SV K2026 bắt đầu đi Thực tập TN và làm KLTN - Khóa đầu tiên tốt nghiệp - Đánh giá toàn diện CT
2030–2035	60–80 SV/năm	- Mở rộng quy mô - Phát triển bền vững

7. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

Trường ĐH CNKT TP.HCM hiện có 02 cơ sở đào tạo và một phân hiệu, cụ thể như sau:

+ Cơ sở I – Cơ sở chính (tọa lạc tại số 01 Võ Văn Ngân, Phường Thủ Đức TP.HCM) với tổng diện tích 162.268 m², diện tích xây dựng là 36.646 m².

+ Cơ sở II (tọa lạc tại 484 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM) với tổng diện tích là 44.408 m², diện tích xây dựng là 7.373 m².

+ Phân hiệu của Trường tại Bình Phước (tọa lạc tại 897 quốc lộ 14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai) với tổng diện tích 90.008 m².

Hiện Trường có 213 phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập, trung tâm nghiên cứu với 42.202m²; bên cạnh đó là các nhà tập đa năng, sân thể thao, phòng học lý thuyết/ phòng học đa phương tiện, thư viện, trung tâm học liệu, khu tự học của sinh viên cùng các công trình khác (khu dịch vụ, căn tin, nhà xe,...).

Trường ĐH CNKT TP.HCM có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích sàn trên người học là 3.06 m² đáp ứng quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành. Hiện nay, Trường có 240 phòng học bao gồm 19 phòng máy tính, đa phương tiện, có 163 phòng có sức chứa dưới 100 chỗ, 56 phòng có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ, 02 phòng có sức chứa lớn hơn 200 chỗ ngồi và 01 hội trường. Trường có đủ phòng học, phòng chuyên đề với trang thiết bị cần thiết bảo đảm điều kiện học tập và giúp người học có thể triển khai thực hành, thực tập, nghiên cứu.

Khoa Kinh tế có với 01 phòng Business Intelligence (BI) và sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế cũng sử dụng hệ thống phòng máy của trường: A3-101, A3-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B và một số phần mềm hỗ trợ tại các phòng này.

Bảng 4. Danh mục phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Khoa Kinh tế

STT	Tên phòng/Lab	Diện tích (m ²)	Số máy tính	Phục vụ cho
1	Phòng Business Intelligence (BI)	100 m ²	60	Các môn học chuyên ngành (Data Analysis, Global Operations Management, Logistics Operations, ...); hoạt động NCKH và sinh hoạt chuyên đề của GV và SV.

2	Phòng máy tính học tập	300 m ² (tổng)	200	Đại cương, thực hành
---	------------------------	---------------------------	-----	----------------------

8. Đội ngũ giáo viên/giảng viên tham gia giảng dạy (danh sách trích ngang, lý lịch đính kèm):

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên chủ chốt tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo gồm có 28 người với 13 TS, 06 NCS đã đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho toàn bộ khóa học và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, mỗi giảng viên giảng dạy không quá 03 học phần trong chương trình đào tạo. Bên cạnh đó đội ngũ giảng viên có khả năng hướng dẫn sinh viên xây dựng đề cương nghiên cứu và thực hiện đồ án môn học, báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp. Với thành tựu về triển khai đề tài nghiên cứu khoa học và nhiều bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước, có thể khẳng định đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy có đủ khả năng và điều kiện để tổ chức thực hiện CTĐT giảng dạy bằng tiếng Anh.

Lực lượng cán bộ tham gia tổ chức thực hiện CTĐT giảng dạy bằng tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế có chuyên môn phù hợp được chứng minh qua văn bằng tiến sĩ hoặc công nhận học hàm, lĩnh vực luận án tiến sĩ, kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học/sau đại học, hướng nghiên cứu khoa học và các công trình khoa học đã công bố; thể hiện chi tiết trong Lý lịch khoa học. Đội ngũ giảng viên đã từng thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học và có nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố trên các tạp chí uy tín.

Danh sách giảng viên tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế trình độ Đại học được thể hiện trong Phụ lục 1

9. Chương trình, tài liệu giảng dạy:

- Chương trình Đào tạo:
- Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy phục vụ CTĐT giảng dạy bằng tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế trình độ đại học (theo phụ lục 2)

10. Ngôn ngữ sử dụng dạy và học bằng tiếng nước ngoài: Tiếng Anh

11. Các hình thức khuyến khích (nếu có):

IV. TÀI CHÍNH

1. Học phí, quản lý và sử dụng học phí cho việc tổ chức dạy và học bằng tiếng nước ngoài

Nguyên tắc xây dựng mức học phí: Học phí của chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh được xây dựng theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo thực tế, phù hợp với chất lượng nâng cao (sĩ số lớp nhỏ, giảng viên trình độ cao, học liệu ngoại văn, cơ sở vật chất tăng cường), đảm bảo tính công khai, minh bạch theo Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của Bộ GDĐT.

Mức học phí dự kiến: Khoảng 34 triệu đồng/học kỳ theo công bố trong Đề án tuyển sinh hằng năm của nhà trường. (Lộ trình tăng học phí của Nhà trường căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Từ năm học 2027 - 2028 trở đi, mức trần học phí được điều chỉnh phù hợp với khả năng chi trả của người dân, điều kiện kinh tế - xã hội nhưng tối đa không vượt quá tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm xác định mức học phí so với cùng kỳ năm trước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố)

Cơ chế quản lý: Toàn bộ nguồn thu học phí từ chương trình được hạch toán riêng vào hệ thống quản lý tài chính của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM, đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

Nội dung sử dụng học phí:

Chi trả thù lao giảng dạy (áp dụng hệ số quy đổi giờ chuẩn cao hơn từ 1.5 - 2.0 lần so với chương trình tiếng Việt) nhằm thu hút giảng viên giỏi, chuyên gia nước ngoài.

Chi đầu tư, mua bản quyền giáo trình, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, cơ sở dữ liệu quốc tế.

Chi cho công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh và phương pháp sư phạm (EMI) cho đội ngũ giảng viên.

Chi nâng cấp, bảo trì trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng học thông minh phục vụ riêng cho chương trình.

Trích lập quỹ học bổng khuyến khích học tập (*tối thiểu 8% nguồn thu học phí của hệ đại trà theo quy định*) và hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác (nếu có)

3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có)

Tất cả các khoản thu, chi và đóng góp tự nguyện (nếu có) từ người học, doanh nghiệp đều phải thực hiện thông qua tài khoản ngân hàng chính thức của Nhà trường.

Công tác quản lý thu, chi tuân thủ nghiêm ngặt Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM và các quy định pháp luật về kế toán, kiểm toán. Định kỳ hằng năm thực hiện công khai tài chính trước tập thể và các bên liên quan.

V. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, QUẢN LÝ RỦI RO

1. Biện pháp bảo đảm chất lượng

Về chương trình và học liệu: Đảm bảo 100% giáo trình chính yếu là phiên bản tiếng Anh được cập nhật từ các nhà xuất bản uy tín thế giới. Cấu trúc CTĐT được tham chiếu từ các trường đại học top đầu quốc tế và được cập nhật định kỳ.

Về đội ngũ giảng viên: Giảng viên tham gia giảng dạy phải đạt chuẩn chuyên môn (Tiến sĩ, Thạc sĩ ngành phù hợp) và năng lực ngoại ngữ (tối thiểu bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương hoặc Người được đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ toàn thời gian ở nước ngoài với ngoại ngữ là tiếng Anh và có văn bằng tốt nghiệp được công nhận theo quy định hoặc có bằng tốt nghiệp cử nhân tiếng Anh, sư phạm ngoại ngữ (tiếng Anh) tại Việt Nam theo quy định của nghị định 222/2025.

Về người học: Người học sau khi nhập học sẽ thực hiện 1 bài thi xếp lớp (Placement Test) để xác định trình độ tiếng Anh phù hợp với các lớp học. Nếu

người học có chứng chỉ tiếng Anh **IELTS ≥ 5.0** hoặc tương đương sẽ được miễn thi đầu vào và được quyền quy đổi điểm các học phần tiếng Anh trong CTĐT. Nếu người học chưa đủ năng lực về ngoại ngữ nhà trường sẽ tổ chức các khóa bồi trợ tiếng Anh đầu khóa (Communicative English 1,2) để đảm bảo sinh viên tiếp thu tốt kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Về kiểm định: Xây dựng và triển khai hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong (IQA); cam kết thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình theo tiêu chuẩn quốc tế (AUN-QA hoặc ASIIN/ABET) hoặc tiêu chuẩn của MOET



2. Biện pháp quản lý rủi ro

Rủi ro về đội ngũ giảng viên (thiếu hụt do biến động nhân sự): Xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu dự phòng; tăng cường chính sách thu hút chuyên gia, thỉnh giảng quốc tế; có kế hoạch đào tạo dài hạn đội ngũ kế cận. Đặc biệt là bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy.

Rủi ro về người học (không bắt kịp tiến độ bằng tiếng Anh): Thiết lập hệ sinh thái hỗ trợ học tập bao gồm: Đội ngũ Trợ giảng (TA) hỗ trợ giải đáp; mạng lưới cố vấn học tập theo sát từng sinh viên; tổ chức các câu lạc bộ học thuật bằng tiếng Anh.

Rủi ro về bản quyền và nội dung: Kiểm soát chặt chẽ quy trình thẩm định học liệu; đảm bảo giáo trình, tài liệu sử dụng không vi phạm bản quyền và tuân thủ các quy định về an ninh tư tưởng, văn hóa của Việt Nam theo Nghị định 222/2025/NĐ-CP.

3. Phương án bảo đảm quyền lợi của người dạy, người học trong trường hợp Đề án gặp vấn đề rủi ro, vướng mắc, bị chấm dứt, đình chỉ hoặc thu hồi

Đối với người học: Trong trường hợp bất khả kháng chương trình phải tạm dừng hoặc chấm dứt, Nhà trường cam kết đảm bảo quyền lợi tối đa cho sinh viên đang theo học bằng các phương án:

- Chuyển đổi sinh viên sang chương trình đào tạo tương đương dạy bằng tiếng Việt (có công nhận và bảo lưu số tín chỉ đã tích lũy) theo quy chế đào tạo của nhà trường.
- Liên kết, phối hợp với các trường đại học đối tác có chương trình tương đương giảng dạy bằng tiếng Anh để tiếp nhận sinh viên chuyển trường nếu sinh viên có nguyện vọng.

Đối với người dạy: Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi về lương, thù lao giảng dạy và các chế độ đãi ngộ theo hợp đồng làm việc/hợp đồng lao động đã ký kết. Bố trí giảng viên quay trở lại giảng dạy các chương trình bằng tiếng Việt phù hợp với chuyên môn để duy trì định mức giờ chuẩn.

VI. CƠ CHẾ QUẢN LÝ

1. Cơ cấu tổ chức quản lý Đề án

Sơ đồ tổ chức điều hành và quản lý đề án bao gồm:

Ban Chỉ đạo Đề án (Cấp Trường): Do Ban Giám hiệu làm Trưởng ban; thành viên gồm đại diện lãnh đạo các phòng chức năng (Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Hợp tác quốc tế) và Lãnh đạo Khoa Đào tạo tiên tiến, cũng như Khoa chuyên môn. Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm cao nhất về định hướng, phê duyệt kế hoạch tài chính và giám sát chất lượng.

Bảng 5: Danh sách Ban chỉ đạo đề án dạy học bằng tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế trình độ đại học

STT	Họ và tên	Chức danh Khoa học	Vị trí công tác	Nhiệm vụ
1	Lê Hiếu Giang	PGS.TS	Hiệu trưởng	Trưởng Ban
2	Quách Thanh Hải	TS	Phó Hiệu trưởng	Phó trưởng Ban
3	Võ Thị Ngà	PGS.TS	Trưởng Phòng ĐT	Ủy viên
4	Dương Tuấn Tùng	TS	Trưởng Khoa ĐTTT	Ủy viên
5	Nguyễn Khắc Hiếu	PGS.TS	Trưởng Khoa KT	Ủy viên
6	Trương Thị Hòa	TS	Trưởng BM KDQT	Ủy viên

Đơn vị thực hiện trực tiếp (Cấp Khoa): Khoa Đào tạo tiên tiến phối hợp với các Khoa chuyên ngành được giao nhiệm vụ tổ chức triển khai điều hành trực tiếp hoạt động đào tạo, quản lý giảng viên và sinh viên của Đề án.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo: Thẩm định nội dung chuyên môn, chương trình đào tạo, học liệu...

2. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị được giao quản lý (Cấp Khoa/Viện)

Trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai công tác giảng dạy, kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế đào tạo hiện hành.
- Quản lý chuyên môn đối với đội ngũ giảng viên và trợ giảng; giám sát việc thực hiện đề cương chi tiết môn học bằng tiếng Anh.
- Quản lý và hỗ trợ học tập, rèn luyện cho sinh viên thuộc Đề án; định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện lên Ban Chỉ đạo cấp Trường.

Quyền hạn:

- Đề xuất danh sách giảng viên, chuyên gia đủ điều kiện tham gia giảng dạy và trợ giảng.
- Đề xuất phương án mua sắm học liệu, cơ sở vật chất chuyên dụng từ nguồn kinh phí phân bổ của Đề án.

- Phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức tuyển sinh và xét điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của người dạy, người học và các bên liên quan

Đối với người dạy (Giảng viên/Trợ giảng):

Trách nhiệm: Giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá sinh viên hoàn toàn bằng tiếng Anh theo đúng quy định; không ngừng cập nhật bài giảng và nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm quốc tế; tuân thủ quy chế giáo dục của Nhà nước và quy định của Trường.

Quyền hạn: Được hưởng hệ số thù lao vượt trội; được ưu tiên cử tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo quốc tế liên quan đến hoạt động đổi mới sáng tạo trong giảng dạy.

Đối với người học (Sinh viên):

Trách nhiệm: Tuân thủ nghiêm túc quy chế đào tạo, nội quy học đường; hoàn thành nghĩa vụ học phí đầy đủ và đúng hạn; nỗ lực học tập để đạt chuẩn đầu ra về chuyên môn và năng lực tiếng Anh theo quy định của chương trình.

Quyền hạn: Được học tập trong môi trường học thuật chất lượng cao, tiếp cận đầy đủ học liệu, phòng thí nghiệm; được ưu tiên xét học bổng chương trình, giới thiệu tham gia các chương trình trao đổi quốc tế (Exchange program) và giới thiệu việc làm tại các doanh nghiệp đối tác lớn sau khi tốt nghiệp.

Đối với các bên liên quan (Doanh nghiệp, Đối tác quốc tế):

Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, điều chỉnh CTĐT để sát với nhu cầu thực tế; phối hợp tạo điều kiện cho sinh viên thực tập, làm đề tài tốt nghiệp gắn với dự án thực tế; có quyền ưu tiên tiếp cận, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao từ Đề án.

Phụ lục 1

Danh sách giảng viên tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế trình độ Đại học

Số T T	Họ và tên, ngày sinh	Học hàm học vị	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm giảng dạy theo (năm)	Năng lực ngoại ngữ
1	Võ Văn Công	Thạc sỹ	ThS , Mỹ, 2014	MBA	26	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
2	Trương Thị Hòa	Tiến sỹ	TS, Nhật Bản, 2020	Nghiên cứu quốc tế	15	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
3	Phan Thị Thanh Hiền	Thạc sỹ	ThS, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	16	IELTS 7.5
4	Lê Đỗ Thiên Trúc	Thạc sỹ	ThS, Thụy Sĩ, 2016	Quản trị kinh doanh	7	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
5	Nguyễn Phan Anh Huy	Tiến sỹ	TS, Đài Loan, 2018	Quản trị kinh doanh	15	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài

						bằng Tiếng Anh
6	Nguyễn Thị Hồng	Tiến sỹ	TS, Việt Nam, 2022	Quản trị	17	TOEIC 725
7	Lại Thị Tường Vi	Thạc sỹ	ThS, Singapore, 2019	Quản trị kinh doanh	5	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
8	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Tiến sỹ	TS, Đài Loan, 2017	Quản trị kinh doanh	15	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
9	Nguyễn Thúy Phương	Tiến sỹ	TS, Pháp, 2019	Marketing	20	Có chứng chỉ Ngoại ngữ C1 hoặc tương đương
10	Võ Thị Xuân Hạnh	Thạc sỹ	ThS, Đài Loan, 2012	Quản trị kinh doanh	14	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
11	Nguyễn Thị Phương Thủy	Thạc sỹ	ThS, Đài Loan, 2011	Quản trị kinh doanh Quốc tế	9	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh

12	Tô Thị Hằng	Thạc sỹ	ThS, Việt Nam, 2008	Tổ chức và quản lý vận tải	24	Cử nhân Anh văn, Bằng C
13	Trần Kim Toại	Tiến sỹ	TS, CH SÉC, 2024	Khoa học máy tính;	13	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
14	Trần Quang Trí	Tiến sỹ	TS, Úc, 2020	Quản lý	20	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
15	Nguyễn Thị Mai Trâm	Tiến sỹ	TS, Đài Loan, 2025	Industrial Engineeri ng and Managem ent	17	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
16	Trương Diệu Linh	Thạc sỹ	ThS, Ba Lan, 2021	Tài chính - Kế toán	2	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
17	Trần Thụy Ái Phương	Thạc sỹ	ThS, Anh, 2010	Tài chính - Ngân hàng;	16	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
18	Hà Nguyễn Minh Quân	Thạc sỹ	ThS, Pháp, 2009	Quản trị nhân lực	17	Cử nhân Anh văn

19	Bùi Lê Trà Loan	Thạc sỹ	ThS, Mỹ, 2015	Kinh tế đổi ngoại	1	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
20	Hồ Thị Hồng Xuyên	Tiến sỹ	TS, Đài Loan, 2018	Kỹ Thuật và Quản lý công nghiệp	14	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
21	Bùi Tiến Thịnh	Tiến sỹ	TS, Đài Loan, 2024	Tài chính;	9	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
22	Phạm Khôi Nguyên	Thạc sỹ	ThS, Úc, 2019	Quản lý chuỗi cung ứng.;	5	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
23	Nguyễn Danh Hà Thái	Tiến sỹ	TS, Malaysia, 2026	Quản trị kinh doanh	6	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
24	Nguyễn Thị Lan Anh	Thạc sỹ	ThS, UK, 2012	Tài chính - Ngân hàng	14	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh

25	Bùi Thu Anh	Thạc sỹ	ThS, Úc, 2012	Kinh tế học	14	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
26	Lê Trường Diễm Trang	Tiến sỹ	TS, CH SẾC, 2024	Managem ent and Economic s	19	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
27	Nguyễn Hữu Nghĩa	Tiến sỹ	TS, Đài Loan, 2022	Tài chính	9	Học ĐH, Th.S, TS nước ngoài bằng Tiếng Anh
28	Lê Hữu Phúc	Thạc sỹ	ThS, Việt Nam, 2025	Luật kinh tế	1	Khác: B2

Phụ lục 2

Danh mục giáo trình chính phục vụ CTĐT giảng dạy bằng tiếng Anh ngành
Kinh doanh quốc tế

ISBN	Tên sách	Tác giả	NXB	Năm XB
9781264704651	Business Research Methods	Pamela S. Schindler	McGraw Hill LLC: United States of America	2022
9781439085936	Business research methods	William G. Zikmund, Barry J. Babin, Jon C. Carr, Mitch Griffin	Australia : South-Western	2013
9781292016627	Research Methods for Business Students	Mark Saunders	Pearson Education Limited	2010
	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: Dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16 - Tập 1	Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB. Hồng Đức	2008
	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: Dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16 - Tập 2	Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB. Hồng Đức	2008

9786047919420	Nguyên lý kế toán – Tái bản lần 9	Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Trần Thị Thanh Hải, Lê Quang Mẫn, Hồ Xuân Hữu, Nguyễn Thị Huyền Trâm, Nguyễn Vương Thành Long, Lê Anh Tuấn, Vũ Thanh Long	NXB Tài chính	2018
9786047396290	Bài tập nguyên lý kế toán	Đàng Quang Vắng, Đào Thị Kim Yến, Lê Thị Mỹ Nương	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2023
9789814962605	Principles of financial accounting	Earl K. Stice, James D. Stice...[et all]	Taipei, Taiwan: Cengage	2021
9780471051961 hoặc 9781119595830	Practitioner's guide to GAAP 2022 : interpretation and application of generally accepted accounting principles	Joanne M. Flood	New Jersey : Wiley	2022
	Quản trị quan hệ khách hàng	Trương Đình Chiến (chủ biên)	NXB Phụ Nữ, Hà Nội	2009
	Quản lý quan hệ khách hàng	Nguyễn Văn Dung	NXB Giao thông vận tải, Tp. HCM	2010

9786044792170	Giáo trình tin học ứng dụng: dành cho khối ngành Kinh tế quản lý	Đàng Quang Vắng, Lê Ngọc Hiếu, Hà Nguyễn Minh Quân, Nguyễn Thị Minh Đức, Nguyễn Thị Phúc Hạnh	Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2024
	Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh	TS.Thái Trí Dũng	NXB Thống Kê	2007
9786047931101	Kỹ năng giao tiếp kinh doanh - Tập 1	TS. Nguyễn Văn Hùng	NXB Tài chính	2022
	Kỹ năng thương lượng	Tim Hindle	NXB Tổng hợp, TP.HCM	2006
0194569756 hoặc '9780194569750	Commerce 1	Martyn Hobbs and Julia Starr Keddle	Oxford University Press	2006
9781408255995	Intelligent Business	Tonya Trappe, Graham Tullis	Pearson Education Limited	2005
9786043512724	Giáo trình Luật thương mại quốc tế: phần 2	Trần Việt Dũng	NXB Hồng Đức	2022
9786043512588	Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	Phan Huy Hồng	NXB Hồng Đức	2022
9786049942822	Sách tình huống Pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ	Phan Huy Hồng, Phạm Trí Hùng	NXB Hồng Đức	2020

9781633693685	Entrepreneur's handbook: Everything you need to launch and grow your new business	Harvard Business Review Press	Harvard Business School Publishing Corporation	2018
9781111573232	Advertising and sales promotion	Ken Kaser	Cengage Learning, USA	2013
	Quản trị xúc tiến thương mại trong xây dựng & phát triển thương hiệu	An Thị Thanh Nhân, Lục Thị Thu Hường	NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội	2010
9786047365050	Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh	Trần Thụy Ái Phương, Nguyễn Thị Châu Long	NXB Đại học quốc gia TPHCM	2018
9781482203745	Protocols for Secure Electronic Commerce	Mostafa Hashem Sherif	CRC Press	2017
	Kinh tế học đại cương	TS. Trần Đăng Thịnh (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Vân, Huỳnh Thị Cẩm Tú, Phan Thị Kim Phương	NXB Đại học Quốc gia	2013
	Bài tập Kinh tế học đại cương	TS. Trần Đăng Thịnh (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Vân, Trương Thị Hòa, Nguyễn	NXB Đại học Quốc gia	2016

		Thị Thanh Thúy, Phan Thị Kim Phương		
0324423527 hoặc '9780324423525	Principles of Economics	Gregory Mankiw	Thomson/South- Western	2007
	Kinh tế học vi mô	PGS. TS Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ	NXB. Thống kê	2009
	Kinh tế học vĩ mô	TS Dương Tấn Diệp	NXB. Thống kê	2007
	Kinh tế vi mô	PGS.TS Lê Bảo Lâm - TS Nguyễn Như Ý - TS Trần Thị Bích Dung - TS Trần Bá Thọ	Nxb Lao Động – Xã hội	2007
	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới: Toàn cảnh địa lý kinh tế - xã hội thế giới và một số quốc gia, khu vực tiêu biểu	Ông Thị Đan Thanh	Đại học Sư phạm Hà Nội	2007
	Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội thế giới	Bùi Thị Hải Yên	Giáo dục	2006
978981416573	Tài chính quốc tế	Jeff Madura	NXB Cengage Learning	2012

9786049229824	Quản trị xuất nhập khẩu	Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2021
	Incoterms 2010	Nguyễn Văn Dung	NXB Thông tin và truyền thông	2010
9786047333837	Quản trị học căn bản	Trần Đăng Thịnh, Nguyễn Thị Hồng, Phan Thị Thanh Hiền	NXB Đại học quốc gia TPHCM	2016
	Quản trị chiến lược	Lê Thế Giới, Nguyễn Thanh Liêm và Trần Hữu Hải	NXB Thống Kê	2007
	Quản trị học	Phan Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Liên Diệp, Phạm Xuân lan, Hoàng Lâm Tịnh, Phạm Văn Nam	NXB Phương Đông	2011
9781292307329	Fundamentals of Management	Stephen P. Robbins, David A. DeCenzo, Mary K. Coulter	Pearson Higher Education	2020
9780134237473	Fundamentals of Management	Stephen P. Robbins, David A. DeCenzo, Mary K. Coulter	Pearson Higher Education	2017

978-0-273-70678-6	Global Marketing: A decision-oriented approach	Svend Hollense	Saffron House Prentice Hall.	2007
	Marketing quốc tế	Nguyễn Đông Phong, Quách Thị Bửu Châu, Tô Bình Minh,...	NXB Lao động	2009
0071244549	Global Marketing: Foreign entry, local marketing, global management	Johny K. Johansson	Boston:McGraw Hill	2006
9781292016627	Research methods for business students	Saunders, M., Lewis, P., Thornhill, A.	Pearson	2010
9870071105941	International Marketing	<u>Philip R. Cateora, John L. Graham</u>	McGraw-Hill	2007
9786047933433	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	Hà Minh Hiếu	NXB Tài chính	2022
9781119461104	Essentials of Supply Chain Management	Michael H. Hugos	Wiley	2018
9781292257891	Supply chain management. Strategy, Planing, and Operation	Sunil Chopra	Pearson	2019
0071254285	Negotiation:Readings, exercises, cases	Roy Lewicki, David Saunders and Bruce Barry	McGraw Hill	2007

9786041092297	Nghệ thuật đàm phán (Trump: The art of the deal – Vietnamese version)	Donald J. Trump and Tony Schwartz	NXB Trẻ	2025
	Đàm phán thành công, Negotiate your way to success: 24 bước xây dựng thỏa thuận	Steven P. Cohen	Nxb Tổng hợp, TP. HCM	2008
9786041243736	Một đời thương thuyết : Đừng để Bờm và Phú ông thất vọng	Phan Văn Trường	Nxb Trẻ	2025
9781591397991	3-D negotiation: powerful tools to change the game in your most important deals	David A. Lax and James K. Sebenius	Harvard Business School Press, Boston	2006
	Quản trị rủi ro và Bảo hiểm trong Doanh nghiệp	Nguyễn Quang Thu	NXB Thống kê,	2008
	Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Minh Kiêu	NXB Thống kê	2009
9781633693685	Entrepreneur's handbook: Everything you need to launch and grow your new business. Harvard Business School Publishing Corporation		Harvard Business Review Press	2018

	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung,	NXB Thống kê	2011
	Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm	NXB Lao động xã hội	2007
	Quản trị nhân sự	Nguyễn Hữu Thân	NXB Lao động xã hội	2010
9781292449364	Principles of marketing	Kotler, P. et al	Pearson Education	2024
	Marketing quốc tế	PGS.TS. Nguyễn Đông Phong, Quách Thị Bửu Châu, Tô Bình Minh,...	NXB Lao động	2009
9781259929441 hoặc '9781260390070	International business: Competing in the global marketplace	Charles W. L. Hill, G. Tomas M. Hult	International Edition	2019
9781352008975	The global business environment: towards sustainability	Janet Morrison	London, UK: Bloomsbury Academic	2020
9781259011818	International Business	Charles W. L. Hill, Chow-Hou Wee, Krishna Udayasankar	New York : McGraw-Hill Education (Asia)	2016
	Giáo trình kinh doanh quốc tế	Phạm Thị Hồng Yến	H.: Thống kê	2012

9786043512489	Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam	Nguyễn Hồ Bích Hằng, Nguyễn Xuân Quang	Nxb Hồng Đức	2022
9786048977504	Sách tình huống (bình luận bản án) Luật sở hữu trí tuệ	Nguyễn Hồ Bích Hằng, Nguyễn Ngọc Hồng Phượng, Nguyễn Phương Thảo	NXB Hồng Đức	2019
	Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam	Lê Đình Nghi, Vũ Thị Hải Yên, Nguyễn Như Quỳnh, Nguyễn Thị Tuyết	Nxb Giáo dục	2012
9781292098678	Operations management	Slack, N., Brandon-Jones, A., & Johnston, R.	Pearson.	2016
9786326080353	Giáo trình Hành vi tổ chức	Nguyễn Thị Thanh Thúy, Phan Thị Thanh Hiền, Nguyễn Phan Như Ngọc	NXB ĐH QG TPHCM	2025
9789353067038	Organizational Behavior (18th Ed.)	Robbins, S.P., and Judge, T.A., Neharika Vohra	India: Rahul Print O Pack.	2019

9786047919420	Nguyên lý kế toán – Tái bản lần 9	Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Trần Thị Thanh Hải, Lê Quang Mẫn, Hồ Xuân Hữu, Nguyễn Thị Huyền Trâm, Nguyễn Vương Thành Long, Lê Anh Tuấn, Vũ Thanh Long	ISBN: 978-604-79-1942-0	2018
9781292269146	Project Management – Achieving competitive advantage	Pinto J.K	Pearson.	2020
9781628251845	A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK™ Guide),	PMI	Institute Project Management.	2017
9781473749443	Purchasing and Supply Chain Management	Weele, Arjan J. Van	Cengage Learning	2018
9781264704651	Business Research Methods	Pamela S. Schindler	McGraw Hill LLC: United States of America.	2022
9781439085936	Business research methods	William G. Zikmund, Barry J. Babin, Jon C. Carr, Mitch Griffin	Australia : South-Western	2013

9781352008975	The global business environment: towards sustainability?	Janet Morrison	London, UK: Bloomsbury Academic	2020
9786048203283	Môi trường và phát triển	Nguyễn Thế Thôn, Hà Văn Hành	Nhà xuất bản xây dựng	2017
	Thị trường chứng khoán	Bùi Kim Yến	NXB Lao động xã hội	2015
	Nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống Kê	2009
	Phân tích chứng khoán & quản lý danh mục đầu tư	Bùi Kim Yến	NXB Thống Kê	2009
	Bài tập và bài giải Phân tích và đầu tư chứng khoán	Bùi Kim Yến	NXB LĐXH	2014
9780357442036	Managing for Quality and Performance Excellence	James R. Evans (Author), William M. Lindsay	Cengage Learning	2020
9781466564992	Building Quality Management Systems: Selecting the Right Methods and Tools	Luis Rocha-Lona Jose Arturo Garza-Reyes Vikas Kumar	Taylor & Francis Group	2013
	Giáo trình Quản lý chất lượng trong các tổ chức	Tạ Thi Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn	NXB Thống kê	2004

		Văn Hoá, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phượng Vương		
	Bộ luật hàng hải Việt Nam	Chính phủ	NXB Chính trị quốc gia	2007